

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 57-NQ/TW); Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 03/NQ-CP) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, UBND tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, định hướng tại Nghị quyết 57 và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng các nhiệm vụ, giải pháp, Đề án cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm phát triển đột phá lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

2. Quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Chương trình hành động của Tỉnh ủy, nhất là về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; từ đó gắn trách nhiệm của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị với kết quả chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ phải có lộ trình hợp lý, các giải pháp đồng bộ hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế tại các ngành, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng; Nam Định thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập khá; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp trên địa bàn đạt mức trung bình cao của cả nước.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức trên 55%. Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) vào nhóm trung bình khá của khu vực Đồng bằng sông Hồng và duy trì vị trí xếp hạng PII thuộc nhóm khá của cả nước. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị xuất khẩu đạt 50%. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 85%. Giao dịch không dùng tiền mặt đạt 85%. Số doanh nghiệp có hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì trên 0,7.

- Bố trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng hằng năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%.

- Hỗ trợ hình thành 01 phân hiệu đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao thuộc trường đại học uy tín trong nước trên địa bàn tỉnh. Hình thành Khu công nghiệp công nghệ cao hoặc điều chỉnh, bổ sung chức năng phát triển công nghệ cao cho một số Khu công nghiệp hiện có để thu hút các doanh nghiệp công nghệ, các nhà đầu tư công nghệ đến nghiên cứu, sản xuất.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng thuộc nhóm dẫn đầu các tỉnh trong cả nước; từng bước ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Hoàn thành cơ bản việc xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Nam Định dựa trên thành

tự khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc.

- Thực hiện quản lý nhà nước cơ bản toàn diện trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao trong số các tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển hiệu quả đột phá, bền vững, góp phần đưa tỉnh Nam Định là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực đồng bằng sông Hồng. Thu hút được tối thiểu 20 doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Nam Định.

- Tăng trưởng kinh tế vững chắc dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phần đầu quy mô kinh tế số đạt 50% GRDP. Nam Định thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(Chi tiết các mục tiêu theo Phụ lục I đính kèm)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác quán triệt và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của KHCN, ĐMST và CDS; xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các ngành, địa phương xây dựng và tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng nhiều hình thức phù hợp; nội dung và hình thức tuyên truyền phải phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Tổ chức các hội nghị, hội thảo để phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Biên soạn các tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với người dân và doanh nghiệp. Tăng cường tổ chức các cuộc tọa đàm, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các ngành, địa phương.

- Sở Khoa học và Công nghệ, Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Nam Định phối hợp thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát sóng định kỳ trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nam Định điện tử và các báo in. Đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số và mạng xã hội. Chỉ đạo phát thanh thường xuyên các nội dung Nghị quyết Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua hệ thống truyền thanh cơ sở tại các xã, phường, thị trấn. Tổ chức các hội nghị trực tuyến tập huấn, phổ biến kiến thức về khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số đến cấp xã.

- Tiếp tục vận hành Cổng thông tin xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các sự kiện khởi nghiệp, chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Phân đầu 100% cán bộ, công chức được đào tạo kiến thức cơ bản về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ chức tập huấn kỹ năng số cho người dân. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, kiến thức về năng suất chất lượng và đo lường cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về an toàn thông tin mạng.

- Hỗ trợ thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài để triển khai các khoá đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

- Các sở, ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch theo lộ trình, đảm bảo bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật, về nghiên cứu khoa học, công nghệ trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đảm bảo phù hợp.

- Các sở, ngành, các địa phương, đơn vị phát động phong trào thi đua khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn tỉnh với các tiêu chí thi đua cụ thể. Phát động phong trào phát minh, sáng chế, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả công tác, hiệu xuất công việc trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Hằng năm, tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ và kết quả thực hiện phong trào khởi nghiệp - đổi

mới sáng tạo (KN-ĐMST) và chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị. Kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các nhà khoa học, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức các sự kiện để nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Sở Nội vụ rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương thường xuyên rà soát để kịp thời phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc về thể chế trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và có độ trễ; tập trung rà soát các quy định không còn phù hợp, chồng chéo hoặc thiếu đồng bộ để kiến nghị sửa đổi, bổ sung và tham gia góp ý hoàn thiện các hồ sơ sửa đổi, bổ sung các Luật có liên quan. Đặc biệt, chú trọng hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trên môi trường số, bảo đảm tính liên thông và thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu thành lập và sử dụng các Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; đầu tư, đầu tư công, mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Xây dựng cơ chế tài chính của tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính trong quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số; xây dựng cơ chế giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

- Triển khai hiệu quả các Kế hoạch, Quyết định đã được UBND tỉnh phê duyệt: Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 9/3/2023 về nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định đến 2030; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/11/2020 về thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý

hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 8/1/2025 phê duyệt kế hoạch Thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2030; Quyết định số 404 /QĐ-UBND ngày 1/3/2023 phê duyệt Đề án ứng dụng KH&CN để phát triển công nghiệp công nghệ sinh học tại tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện các quy định về cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, có sự giám sát của nhà nước, chính sách miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

- Đổi mới toàn diện công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế số của tỉnh. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về chuyển đổi số kịp thời, đồng bộ, sát thực tiễn và hiệu quả.

- Ưu tiên thực hiện các mô hình, thí điểm hoàn thiện thể chế số và thí điểm cơ chế mới về chuyển đổi số; tổng kết, đánh giá để thể chế hóa và nhân rộng.

- Nghiên cứu triển khai các quy định về hoạt động trên môi trường số; các quy định về giao dịch điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử, thương mại điện tử và các hoạt động khác trên môi trường số để sửa đổi, bổ sung kịp thời, thống nhất. Đặc biệt chú trọng các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin kinh doanh, an toàn thông tin và quyền riêng tư của người dân khi tham gia môi trường số. Các dự án đầu tư công nghệ thông tin và chuyển đổi số yêu cầu phải áp dụng các quy định, chế độ về an toàn, an ninh mạng.

- Lập danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế các giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thủ tục, thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Xây dựng triển khai Đề án của tỉnh về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược trong các ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu.

- Phát triển mạng lưới kết nối Trung tâm/Điểm KN-ĐMST của tỉnh với các Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Vùng, Quốc gia và Quốc tế; tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số hiện đại của tỉnh. Trong đó, cần khẩn trương hoàn thành đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo hiện đại, đồng bộ, bền vững, phát triển hạ tầng điện toán đám mây đạt chuẩn quốc tế.

- Triển khai tích hợp công nghệ số vào hạ tầng đô thị, trước hết là thành phố Nam Định. Lắp đặt hệ thống cảm biến và ứng dụng các giải pháp công nghệ số trong quản lý, vận hành hạ tầng giao thông, điện, nước, chiếu sáng và các tiện ích đô thị khác. Kết nối, chia sẻ dữ liệu để hình thành hạ tầng số đồng bộ phục vụ xây dựng đô thị thông minh.

- Ban hành, triển khai kế hoạch ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hoàn thiện hạ tầng số của các ngành, địa phương đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Văn bản số 1552/BTTTT-TTH và Văn bản số 708/BTTTT-CATTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về hạ tầng số và an toàn thông tin. Hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 45-KH/TU ngày 31/1/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết số 45- NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã

được phê duyệt. Tập trung phát triển nhân lực công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, nhân lực phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài, đặc biệt là chính sách đối với sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ then chốt và chuyển đổi số. Ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên, đột phá, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút, tuyển dụng các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước tham gia phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai quy định về chính sách hỗ trợ học bổng, miễn, giảm học phí cho sinh viên, học viên theo học các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư dữ liệu, kỹ sư an toàn an ninh mạng, vật liệu tiên tiến.

- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia trong và ngoài tỉnh.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức trong tỉnh, đảm bảo đến hết năm 2025 có 100% cán bộ, công chức được đào tạo các kỹ năng số cơ bản, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số. Chú trọng đào tạo các kỹ năng về thu thập, khai thác, phân tích dữ liệu và năng lực tham mưu, dẫn dắt chuyển đổi số trong phạm vi quản lý.

- Rà soát nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp và phối hợp với các cơ sở giáo dục, các trường đại học uy tín để đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên sâu, đào tạo về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ số tiên tiến.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ chuyên gia đầu ngành về chuyển đổi số cho tỉnh, đảm bảo ở mỗi lĩnh vực trọng điểm có ít nhất 2-3 chuyên gia đầu ngành để tư vấn, định hướng và dẫn dắt chuyển đổi số.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ số mũi nhọn của tỉnh. Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về thu thập, phân tích xử lý dữ liệu, an toàn thông tin, quản trị hệ thống. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ về tham mưu chính sách và triển khai chuyển đổi số tại các ngành, địa phương.

- Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp. Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cơ bản. Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nhân lực chuyển đổi số, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Triển khai chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện quản lý, điều hành và hoạt động theo hình thức trực tuyến, lấy dữ liệu làm nền tảng. Số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ, hồ sơ, tài liệu của các cơ quan để hình thành môi trường làm việc số.

- Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu của tỉnh phù hợp với chiến lược dữ liệu quốc gia. Phát triển Chính quyền số theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành.

- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung. Ưu tiên nguồn lực để xây dựng, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh.

- Thực hiện rà soát, xây dựng, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở. Đảm bảo yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân khi khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thiết yếu của tỉnh về: nông nghiệp, môi trường, công nghiệp, tài chính, giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, giao thông, văn hóa, bảo hiểm xã hội và thị trường lao động. Kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các ngành để phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình, cá nhân hóa. Phát triển các dịch vụ số mới dựa trên dữ liệu và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Triển khai cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng môi trường làm việc số hiện đại cho cán bộ, công chức. Phát triển các công cụ, phần mềm hỗ trợ xử lý công việc dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Từng bước chuyển toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Xây dựng, triển khai các giải pháp và cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

và chuyển đổi số. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, số hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng mô hình thử nghiệm sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các nền tảng số dùng chung của tỉnh và quốc gia.

- Tăng cường triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.

- Hỗ trợ phát triển các chương trình, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo như: Tiếp tục tổ chức cuộc thi về tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từ đó hỗ trợ bồi dưỡng các ý tưởng đạt giải cao, các ý tưởng mang tính sáng tạo và có tính đột phá; tư vấn, hỗ trợ việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng và áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực như phần mềm, dịch vụ số, công nghiệp điện tử và chip bán dẫn. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, Big Data, AI và điện toán đám mây. Nghiên cứu áp dụng chính sách ưu đãi tối đa theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ số.

- Triển khai chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng lớn như: nông nghiệp, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch, logistics và công nghiệp chế biến. Xây dựng các mô hình kinh tế số điển hình trong từng ngành để nhân rộng.

- Phát triển mạnh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử, tham gia các sàn giao dịch trực tuyến. Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử và logistics để thúc đẩy thương mại điện tử phát triển.

7. Phát triển các Dịch vụ số, Công dân số, Văn hoá số

- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số thiết yếu phục vụ người dân. Ưu tiên triển khai nhanh các dịch vụ số trong giáo dục, y tế và các lĩnh vực thiết yếu khác. Thiết kế các dịch vụ số đảm bảo dễ tiếp cận, an toàn và phù hợp với mọi đối tượng người dân. Đặc biệt, chú trọng hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội tiếp cận dịch vụ số.

- Triển khai kế hoạch phát triển công dân số toàn diện. Thực hiện cấp danh tính số cho người dân. Hỗ trợ người dân tiếp cận phương tiện số, nâng cao kỹ năng số và sử dụng các tài khoản số. Phấn đấu đến năm 2026, mỗi người dân có đầy đủ các yếu tố để trở thành công dân số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Triển khai các mô hình nông nghiệp thông minh, nông thôn số. Xây dựng đô thị thông minh gắn với phát triển hạ tầng xanh. Khuyến khích người dân tham gia lối sống thông minh, thân thiện môi trường.

- Nâng cao năng lực số cho người dân. Trang bị kiến thức, kỹ năng để người dân tham gia an toàn trên môi trường số. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ người dùng trên môi trường số. Chú trọng bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trước tác động tiêu cực của công nghệ số. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng.

- Xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Ban hành và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, đảm bảo phù hợp với thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc. Thúc đẩy phát triển các giá trị văn hóa truyền thống trên nền tảng số.

- Phát triển công nghiệp văn hóa số. Xây dựng các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao trên đa nền tảng. Khuyến khích cộng đồng sáng tạo các nội dung số văn hóa tích cực. Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa của tỉnh.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng tài liệu, ấn phẩm cung cấp thông tin về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh cho các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư vào tỉnh. Tăng cường hợp tác để tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến. Tranh thủ các nguồn vốn ODA và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cho nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số.

- Thiết lập mạng lưới liên kết giữa các sở, ngành, đoàn thể, hội, hiệp hội doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật khởi nghiệp; các nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm

- Tăng cường phối hợp với các địa phương, các doanh nghiệp công nghệ số, các trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia. Tranh

thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tham gia các hoạt động hợp tác, tích cực trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thu hút nguồn lực trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, mua bán, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân,...

9. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tăng cường bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để nâng cao khả năng sao lưu, phục hồi và bảo đảm an toàn thông tin ở mức cao nhất cho các hệ thống thông tin trọng yếu, nền tảng số và hạ tầng số của tỉnh.

- Duy trì, vận hành, phát triển Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh. Thường xuyên theo dõi, phát hiện sớm và cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng. Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân phòng ngừa, ứng phó với các sự cố an ninh mạng.

- Tập trung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trên môi trường số. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin để người dân và tổ chức hoạt động an toàn trên không gian mạng. Xây dựng các tài liệu hướng dẫn về an toàn thông tin cho người dân.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chuyên trách. Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng chuyên trách về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước. Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa công an, quân đội và các lực lượng liên quan trong bảo đảm an ninh mạng.

- Nâng cao năng lực về an toàn thông tin cho các đối tượng. Tổ chức đào tạo, tập huấn về kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức. Phổ biến kiến thức cơ bản về an toàn thông tin cho người dân khi tham gia môi trường số.

(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục II đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ các nguồn kinh phí sau:

- Ngân sách nhà nước.
- Huy động các nguồn lực xã hội hóa.
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 03/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện Kế hoạch này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND Tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, kịp thời hiệu quả Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh; chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nam Định;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP1, VP7. *HL*

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoài
Trần Lê Đoài

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi và đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Thuộc nhóm các địa phương ở mức tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trung bình cao của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	> 55	Sở Khoa học và Công nghệ; Cục Thống kê
4	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	Thuộc nhóm khá của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị xuất khẩu đạt	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	> 80	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Giao dịch không dùng tiền mặt	%	> 80	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh
9	Số doanh nghiệp có hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	≥ 3% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
12	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ

13	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8-10	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ
15.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
15.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh
18	Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	≥ 01	Công an tỉnh Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành
19	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	%	≥ 80	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh
20	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 80	Sở Y tế
22	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Đến năm 2045			
1	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	≤ 15	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Nam Định.	Doanh nghiệp	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Tổ chức thực hiện tốt công tác quán triệt và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của KHCN, ĐMST và CDS; xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.			
1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW; Nghị quyết 03-NQ/CP.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương; Báo Nam Định, Đài PHTH tỉnh; Công TTĐT tỉnh	Quý I/2025
2	Tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các sở, ngành, địa phương; Báo Nam Định, Đài PHTH tỉnh; Công TTĐT tỉnh	Thường xuyên
3	Biên soạn tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
4	Tổ chức đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Định kỳ hàng năm
5	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với cuộc sống trên truyền hình, báo, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các sở, ngành, địa phương; Báo Nam Định, Đài PHTH tỉnh; Công TTĐT tỉnh	Thường xuyên
6	Tổ chức phát thanh tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND cấp huyện/thành phố	UBND cấp xã/phường	Thường xuyên
7	Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại người đứng đầu, đánh giá mức độ hoàn thành hàng năm, trong đó đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước trực tiếp triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là nhiệm vụ quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025

8	Đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
9	Duy trì vận hành Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
10	Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; các sự kiện khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
11	Xây dựng Kế hoạch triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ngành, địa phương.		Quý II/2025
12	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
13	Xây dựng kế hoạch theo lộ trình, đảm bảo bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đảm bảo phù hợp	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
14	Ban hành văn bản chỉ đạo, quán triệt để cụ thể hóa các quy định Trung ương về phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
15	Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định về thi đua, khen thưởng theo hướng mở rộng các hình thức, kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
16	Đổi mới quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước; quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Nam Định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	2025
17	Tổ chức triển khai Nghị định quy định về việc thành lập, tổ chức hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính Sở Nội vụ	Sau khi Nghị định của Chính phủ được ban hành

18	Rà soát các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Tư pháp	Thường xuyên
19	Hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; làm căn cứ để các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện.	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
20	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	2025
21	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Kết luận của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2025
22	Triển khai hiệu quả các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt: Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 9/3/2023 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt kế hoạch nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định đến 2030; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh Nam Định thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 8/1/2025 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt kế hoạch Thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2030; Quyết định số 404 /QĐ-UBND ngày 1/3/2023 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án ứng dụng KH&CN để phát triển công nghiệp công nghệ sinh học tại tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên

23	Thí điểm các mô hình, cơ chế mới về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
24	Tổng kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình thí điểm thành công	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Định kỳ hằng năm
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
25	Phối hợp với các viện, trường nghiên cứu, triển khai thí nghiệm, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
26	Xây dựng Đề án Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Nam Định tạo bước phát triển đột phá về công nghệ góp phần phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Nam Định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý IV/2025
27	Xây dựng Đề án Ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý IV/2025
28	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh Nam Định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
29	Tham mưu triển khai Nghị quyết của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu, cơ chế, chính sách hợp tác công tư để đào tạo nhân lực công nghệ số	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương.	Sau khi Nghị quyết của Chính phủ được ban hành
30	Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
31	Tham mưu phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo hướng dẫn của Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
32	Ban hành, triển khai kế hoạch ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	2025
33	Xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
34	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
35	Tiếp tục xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

36	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2025
37	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2025
38	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số.	Các Sở, ngành là chủ quản CSDL chuyên ngành	Công an tỉnh Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2025
39	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
40	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	2025
41	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT- CATT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Các sở, ngành, địa phương.	Công an tỉnh Sở Khoa học và Công nghệ	2026
42	Thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý I/2025
43	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Quý II/2025
44	Phát triển hạ tầng điện toán đám mây theo tiêu chuẩn xanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Thường xuyên
45	Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương.	Hàng năm
46	Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Thường xuyên
47	Triển khai thử nghiệm mạng 5G tại các khu công nghiệp, khu đô thị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông, các địa phương	Quý III/2025
IV	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
48	Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh và Chương trình hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Hàng năm

	động số 45-KH/TU ngày 31/1/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 45- NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.			
49	Ban hành chính sách hấp dẫn thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
50	Rà soát quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia trong và ngoài tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ Các sở, ngành, địa phương.	Quý I/2026
51	Tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho 100% cán bộ, công chức tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
52	Đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
53	Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về chuyển đổi số (2-3 người/lĩnh vực)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
54	Phối hợp với các cơ sở đào tạo để phát triển nguồn nhân lực CNTT	Sở Giáo dục và đào tạo	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
55	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng	UBND cấp huyện/thành phố	UBND cấp xã/phường	Thường xuyên
56	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nhân lực chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Thường xuyên
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
57	Xây dựng Đề án Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2026 – 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
58	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025

59	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2025
60	Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2025
61	Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực	Các sở, ngành, địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2025
62	Triển khai các nền tảng số về giám sát, thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
63	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
64	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
65	Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.	Sở Y tế	Công an tỉnh; BHXH tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2025
66	Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại cơ sở y tế đủ điều kiện của tỉnh.	Sở Y tế	BHXH tỉnh, Công an tỉnh; các địa phương	Quý III/2025
67	Triển khai đăng ký, cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	Quý III/2025
68	Phân tích bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh ở những lĩnh vực thiết yếu, và dự báo chuyên sâu dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Quý III/2025
69	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử	Công an tỉnh	Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh	2025 và những năm tiếp theo
70	Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực: Tư pháp, Giáo dục, Y tế, Tài nguyên,...	Các sở, ngành, địa phương.		2025 và những năm tiếp theo
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp			
71	Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Quý IV/2025
72	Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên

73	Tiếp tục tổ chức cuộc thi về tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành Nam	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
74	Tư vấn, hỗ trợ việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng và áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
75	Phát triển hệ sinh thái công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Thường xuyên
76	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Thường xuyên
77	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Quý IV/2025
78	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Tài chính Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Thường xuyên
79	Triển khai các nhiệm vụ KH&CN về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
80	Đẩy mạnh phát triển các hình thức xúc tiến thương mại mới ứng dụng công nghệ số như Hội chợ trên môi trường thực tế ảo, giao thương trực tuyến, sàn giao dịch trực tuyến... nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm có lợi thế, tiềm năng của tỉnh	Sở Công thương	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
VII	Phát triển các Dịch vụ số, Công dân số, Văn hoá số			
81	Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số thiết yếu phục vụ người dân. Ưu tiên triển khai nhanh các dịch vụ số trong giáo dục, y tế và các lĩnh vực thiết yếu khác. Thiết kế các dịch vụ số đảm bảo dễ tiếp cận, an toàn và phù hợp với mọi đối tượng người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
82	Triển khai kế hoạch phát triển công dân số toàn diện. Thực hiện cấp danh tính số cho người dân. Hỗ trợ người dân tiếp cận phương tiện số, nâng cao kỹ năng số và sử dụng các tài khoản số.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương.	Quý IV/2025

83	Xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Ban hành và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, đảm bảo phù hợp với thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc. Thúc đẩy phát triển các giá trị văn hóa truyền thống trên nền tảng số.	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương.	Quý IV/2025
84	Phát triển công nghiệp văn hóa số. Xây dựng các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao trên đa nền tảng. Khuyến khích cộng đồng sáng tạo các nội dung số văn hóa tích cực. Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa của tỉnh.	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương.	Quý IV/2025
VIII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
85	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
86	Thiết lập mạng lưới liên kết giữa các sở, ngành, đoàn thể, hội, hiệp hội doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật khởi nghiệp; các nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
87	Xây dựng tài liệu, ấn phẩm giới thiệu về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh Nam Định nhằm cung cấp các thông tin cho các đoàn của tỉnh Nam Định và các đoàn của Bộ ngành, trung ương khi tham gia các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư	Sở Tài chính	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Các sở, ngành, địa phương.	2025-2030
88	Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
89	Cử cán bộ tham gia chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế, tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
IX	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng			
90	Xây dựng và triển khai Kiến trúc tổng thể về an toàn thông tin mạng của tỉnh.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	Quý II/2025
91	Nâng cấp và vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC)	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025

92	Rà soát, hoàn thiện các quy định bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
93	Tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương.	Thường xuyên
94	Triển khai hệ thống bảo mật và phòng chống mã độc tập trung	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ Các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
95	Xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn thông tin mạng của tỉnh.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương.	Quý II/2025
96	Tổ chức diễn tập phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
97	Xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin cho người dân	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	Quý II/2025
98	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các hệ thống thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên